

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 178 /2021/DS-PT

Ngày: 20 – 10 – 2021.

V/v: “Tranh chấp đòi lại tài sản
là quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tâm.

Các Thẩm phán: Bà Dương Thúy Hằng

Ông Trần Quốc Vũ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bé Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 147/2021/TLPT-DS, ngày 13 tháng 7 năm 2020, về tranh chấp “đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2021/DS-ST ngày 02 tháng 6 năm 2021, của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 196/2021/QĐ-PT ngày 13 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Nguyễn Văn H; sinh năm 1958;

1.2. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1962.

Cùng địa chỉ: Số 27, tổ 8, ấp C X, xã TP , huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh; (ông H có mặt, bà Th vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn (ông H, bà Th): Ông Võ Văn Sỹ, sinh năm 1971, địa chỉ: Số 39/58, đường Cách mạng tháng 8, khu phố 7, Phường 3, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh (theo văn bản ủy quyền ngày 27-9-2021); có mặt.

2. Bị đơn: Ông Phan Văn D, sinh năm 1957.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1957; ông D, bà U cùng địa chỉ: Tổ 8, ấp C X, xã TP, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

4- Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn H - Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 10-7-2020, các lời khai của ông Nguyễn Văn H (nguyên đơn) và tại phiên tòa, ông Sỹ (đại diện nguyên đơn) trình bày:

Đất ông H và bà Th sử dụng tại các thửa 1044, 659 và 644 tờ bản đồ số 06 trong đó thửa 644 (tương ứng với thửa 130, tờ bản đồ số 09), tọa lạc tại ấp C X, xã TP, huyện Gò Dầu, do ông H, bà Th đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt: GCNQSDĐ). Nguồn gốc thửa đất số 644 do ông nhận chuyển nhượng của ông Phan Tấn T năm 1996, thửa đất số 659 nhận chuyển nhượng của ông Ng năm 2018. Trước khi chuyển nhượng đất cho ông thì ông T có chừa một lối dẫn nước (đang tranh chấp) từ kênh thủy lợi vào đến đất ruộng ông D. Sau khi nhận chuyển nhượng đất, ông tiếp tục để cho ông D sử dụng lấy nước vào ruộng để sản xuất. Năm 2018, bờ lối dẫn nước bị lở ông D có đặt ống nhựa để dẫn nước, ông không có ý kiến gì. Đến tháng 5 năm 2020, ông D cắm 06 cây trụ xi măng hai bên lối dẫn nước ông không đồng ý.

Nay vợ chồng ông yêu cầu vợ chồng ông D, bà U di dời đường ống nước, các trụ xi măng trả lại đất.

Tại Bản tự khai ngày 02 tháng 11 năm 2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Phan Văn D (bị đơn), bà Nguyễn Thị U (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) thống nhất trình bày:

Ông là em ruột ông Phan Tấn T, ông và ông T được cha mẹ chia đất, ông T được chia phần đất giáp kênh còn ông được chia phía trong. Năm 1985, ông T có chừa cho ông một lối dẫn nước (trong đất ông T) từ kênh thủy lợi vào ruộng để sản xuất. Đến năm 1996, ông T chuyển nhượng quyền sử dụng đất lại cho vợ chồng

ông H. Trong quá trình sử dụng do bờ lồi dẫn nước bị lở nên ông có đặt ống nhựa để dẫn nước, ông H không có ý kiến gì. Giữa năm 2020, ông có cắm 06 cây trụ xi măng hai bên bờ lồi dẫn nước để xác định vị trí chứ không nhằm mục đích chiếm đoạt đất của vợ chồng ông H.

Nay ông không đồng ý di dời đường ống nước và trụ xi măng, trả lại đất cho ông H, vì đất sử dụng làm lồi dẫn nước là đất ông T cho ông sử dụng, ông T không bán phần đất này cho ông H. Ngoài lồi dẫn nước đang tranh chấp ra ông không còn lồi dẫn nước nào khác vào ruộng.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 26/2021/DS-ST ngày 02 tháng 6 năm 2021, và Quyết định sửa chữa bổ sung bản án số 09/2021/QĐ-SCBSBA ngày 06-7-2021 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 246, 247, 253 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Th “Tranh chấp về quyền tưới nước trong canh tác” đối với bị đơn: ông Phan Văn D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị U.

- Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo theo luật định.

- Ngày 15-6-2021, ông H kháng cáo yêu cầu chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông. Lý do: Cấp sơ thẩm chưa làm rõ cách đất ông D 50 m có đường nước khác.

*Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông H, ông Sỹ (đại diện ông H, bà Th) và ông D, bà U thỏa đã thuận với nhau các vấn đề sau:

- Ông H, bà Th đồng ý cho ông D, bà U được sử dụng **một phần đất diện tích 53,6 m² để làm** lồi dẫn nước, bắt đầu từ mương nước tập thể (công cộng) qua đất ông H, bà Th thửa 659, 644, 1044 tới ruộng ông D, bà U thửa 658, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp C X, xã TP, huyện Gò Dầu.

- Ông D, bà Út đồng ý **có nghĩa vụ** di dời 06 trụ xi măng ông D đã cắm trên đất ông H thửa 644, 659, 1044 tờ bản đồ số 06 và đặt ống dẫn nước để không làm ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của ông H, bà Th.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

-Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Tại phiên tòa các đương sự đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Căn cứ Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến Đại diện Viện Kiểm sát, xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn H, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn H kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định, phù hợp tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

2.1. Ông H, bà Th đã được cấp GCNQSDĐ tại thửa 644, 659, 1044 khởi kiện yêu cầu ông D, bà U di dời trụ xi măng, ống nước trả lại đất. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp “Về quyền tưới nước trong canh tác” là không chính xác, cấp phúc thẩm xác định lại quan hệ pháp luật là tranh chấp “Đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất” theo quy định tại Điều 166 của Luật Đất đai và Điều 166 của Bộ luật Dân sự.

2.2. Tại phiên tòa các đương sự đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án về các vấn đề sau:

Ông H, bà Th đồng ý cho ông D, bà U được sử dụng một phần đất diện tích 53,6 m² để làm lối dẫn nước, bắt đầu từ mương nước tập thể (công cộng) đi trên đất ông H, bà Th trong các thửa 659, 644, 1044 tới ruộng ông D, bà U thửa 658, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp C X, xã TP, huyện Gò Dầu; có tứ cận: Bắc giáp mương nước do tập thể các hộ dân xây dựng (công cộng) dài 0,87 m; hướng Nam giáp đất ông D (thửa 658) dài 0,80 m; hướng Đông giáp đất ông H (thửa 659) dài 19,70 m + 25,30 m + giáp đất ông Nhánh (thửa 679) dài 1,06 m + 15,05 m; hướng Tây giáp đất ông H (thửa 644) dài 19,40 m + 25,30 m + 16,17 m + (thửa 1044) dài 3,10 m.

- Ông D, bà U có nghĩa vụ di dời 06 trụ xi măng ông D đã cắm trên đất ông H thửa 644, 659, 1044 tờ bản đồ số 06 và đặt ống dẫn nước để không làm ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của ông H, bà Th.

Nhận thấy, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Căn cứ Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự; sửa bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm Theo qui định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14.

[4] Về án phí phúc thẩm: Ông H, ông D, bà U được miễn án phí Theo điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016 UBTVQH14 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội;

[5] Chi phí tố tụng khác:

- Ông Nguyễn Văn H phải chịu tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá ở cấp sơ thẩm là 3.118.000 đồng và ở cấp phúc thẩm là 1.000.000 đồng; tổng cộng 4.118.000 đồng, ghi nhận đã thanh toán xong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 300 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2021/DS-ST ngày 02 tháng 6 năm 2021, của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Căn cứ vào các Điều 166, 253 của Bộ luật Dân sự; Điều 166, 171 của Luật Đất đai; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Th về “Tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất” đối với ông Phan Văn D, bà Nguyễn Thị U như sau:

1.1. Ông H, bà Th đồng ý cho ông D, bà U được sử dụng một phần đất diện tích đất 53,6 m² làm lối dẫn nước, bắt đầu từ mương nước tập thể (công cộng) đi

trên đất ông H, bà Th trong các thửa 659, 644, 1044 tới ruộng ông D, bà U thửa 658, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp C X, xã TP, huyện Gò Dầu (có sơ đồ kèm theo);
tư cận:

- Hướng Bắc giáp ruộng nước do tập thể các hộ dân xây dựng (cộng cộng) dài 0,87 m;

- Hướng Nam giáp đất ông D (thửa 658) dài 0,80 m;

- Hướng Đông giáp đất ông H (thửa 659) dài 19,70 m + 25,30 m + giáp đất ông Nhánh (thửa 679) dài 1,06 m + 15,05 m;

- Hướng Tây giáp đất ông H (thửa 644) dài 19,40 m + 25,30 m + 16,17 m + (thửa 1044) dài 3,10 m

1.2. Ông D, bà U có nghĩa vụ di dời 06 trụ xi măng ông D đã cắm trên đất ông H, bà Th thửa 644, 659, 1044, tờ bản đồ số 06 và đặt ống dẫn nước để không làm ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của ông H, bà Th.

2. Chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn H chịu tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá là 4.118.000 (bốn triệu một trăm mười tám nghìn) đồng, ghi nhận đã thanh toán xong.

3. Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn H được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí do bà Th đã nộp Tho biên lai thu tiền số 0012401 ngày 22-10-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu; đã nộp xong.

4. Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn H, ông Phan Văn D, bà Nguyễn Thị U được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành Tho quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án Tho quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện Tho quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện Gò Dầu;
- CCTHADS huyện Gò Dầu;;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ;
- Đường sự;
- Lưu tập QĐ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Văn Tâm